

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+P8	7:25	20+2	0+0		8+14	0+0	
2		TD1+CTK3+CLO	7:25	3+13+6	0+0+0		0+14+8	0+0+0	CHUYEN 1 TD1- CLOCHUYEN 1 CTK3-CLO
3		PPD+P4	7:25	8+14	0+0		4+18	0+0	
4		BK14+TD1+P5	9:25	5+15+2	0+0+0		0+18+1	0+0+0	
5		RP3+RC6+RCDM	9:25	18+0+3	0+0+0		12+0+0	0+0+0	CHUYEN 2 RC6- rCDM
6		PPD	9:25	22	0		22	0	
7		RP3+RP1+RC5+RCDM	11:00	17+0+0	0+0+0		0+8+3+0	0+0+0	EC225CHUYEN 2 rP1-rCDM
8		RP3+RP2+RC3	11:25	16+2+0	0+0+0		0+5+1	0+0+0	EC225CHUYEN 2 rP2-rc3
9		RP3+CLO+CTK3	11:25	9+10+1	0+0+0		0+20+2	0+0+0	CHUYEN 1 CLO -CTK3
10		P4+PPD+CLO	11:25	11+10+0	0+0+0		2+13+7	0+0+0	
11		GT1+P9+P10	13:25	4+8+8	0+0+0		0+8+13	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ 1 NGUOI p4 VỀ ĐI RP3;

2/ ĐI VỀ TRONG NGÀY PPD-6NG, CLO-18NG



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 07/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: CLO - P8	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/3887	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BOVT A. V.	CLO	60	1	2			94	D-HANH	Russian
2	ĐẶNG ĐỨC PHONG	CLO						65	D-HANH	Vietnamese
3	IAKOVENKO E.V	CLO	63	1	2			92	D-HANH	Russian
4	NGUYEN HỒNG GIANG	CLO	65	1	3			69	D-HANH	Vietnamese
5	LARIN M.K	CLO	62	1	2			99	D-HANH	Russian
6	PHẠM VĂN QUAN	CLO	69-70	2	7			67	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYEN NAM THAI	CLO						63	D-HANH	Vietnamese
8	BUI TRỌNG HÂN	CLO						67	D-HANH	Vietnamese
9	HOANG VAN HUNG	CLO	66	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN QUANG HIEN	CLO	67	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
11	POPOV A.A	CLO	61	1	3			77	KH-THAC	Russian
12	NGUYEN QUỐC DUNG	CLO						76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN ĐAC	CLO				2	45	70	CODIEN	Vietnamese
14	USHAKOV A.A	CLO	64	1	2			90	ANTOAN	Russian
15	NGUYỄN THÈ VĂN	CLO						74	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐÔNG VĂN NHƯÔNG	CLO						83	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN DUY HAI	CLO						70	NIPI	Vietnamese
18	BUI HỒNG DƯƠNG	CLO						58	NIPI	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC BÌNH	CLO						60	T-TIN	Vietnamese
20	PHẠM TUẤN VIỆT	CLO	68	1	3			88	DK9	Vietnamese
21	LÊ HOANG LONG	P8	47-48	2	10	1	15	75	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ĐỨC ĐẠT	P8	50	1	14	1	11	70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	20	1.494	11	34	2	45	8		
2	P8	2	145	3	24	2	26	14		
TOTAL		22	1.639	14	58	4	71	22		
WEIGHT KG			1.639		58		71			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:TD1 - CTK3 - CLO	CREW: VIỆT - KHẢI - DŨNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/3895	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BADRETDINOV EDGAR	TD1	62	1	9			76	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN NHƯ BANG	TD1				1	34	62	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	63	1	7	3	41	81	KHOAN	Vietnamese
4	CAO VĂN THĂNG	CTK3	57	1	5			77	WOGC	Vietnamese
5	PHẠM HỮU THIÊN	CTK3	55-56	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN PHÚC THẾ ANH	CTK3	53	1	6			50	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HOÀNG	CTK3	52	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN NGỌC AN	CTK3	44-45	2	7			73	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN SƠN TÙNG	CTK3	46	1	11			68	CODIEN	Vietnamese
10	TRẦN MẠNH CƯỜNG	CTK3	47	1	10			66	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	CTK3	49	1	13	3	38	76	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HIỆU	CTK3	48	1	10			71	CODIEN	Vietnamese
13	PHAN VĂN TUẤN	CTK3	50	1	2			76	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN BÁC	CTK3						69	PSV	Vietnamese
15	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	54	1	4			66	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	CTK3	51	1	8			67	PSV	Vietnamese
17	SHEVCHENKO DMITRII	CLO	65	1	6			78	KHOAN	Russian
18	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO						82	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ THẾ NĂNG	CLO	66	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
20	NGÔ VĂN BÁC	CLO	69	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ VĂN LONG	CLO	67	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	68	1	3			57	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	3	219	2	16	4	75	0	+1	CHUYỂN 1 KHÁCH TD1-CLO
2	CTK3	13	900	14	95	3	38	14	+1	CHUYỂN 1 KHÁCH CTK3-CLO
3	CLO	6	426	5	21	0	0	8		
TOTAL		22	1.545	21	132	7	113	22		
WEIGHT KG			1.545		132		113			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

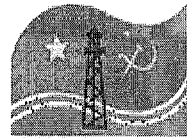
CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐẶNG QUANG KHẢI



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 07/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PPD - P4	CREW: HUNG - N.CUONG - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/3891	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HUU THE	PPD				1	8	63	XNKT	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DUNG	PPD	06	1	2	1	20	65	NIPI	Vietnamese
3	NGUYEN HUU PHUONG	PPD						69	BIEN DONC	Vietnamese
4	LE HONG DAI	PPD	04	1	5			75	D-HANH	Vietnamese
5	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	01	1	8			86	KHI	Vietnamese
6	VU THANH BINH	PPD	02	1	4			79	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN MINH	PPD	05	1	3			82	KHI	Vietnamese
8	PHAN VAN THINH	PPD	03	1	6			71	NIPI	Vietnamese
9	TO HUU THANG	P4	11-12	2	10	5	90	82	CHI CUC D	Vietnamese
10	TRUONG THANH GIAP	P4	09	1	4			67	KHI	Vietnamese
11	LUONG THANH VU	P4	08	1	6			78	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG HA	P4	02	1	1			65	KHI	Vietnamese
13	TRAN DUY KHUONG	P4	04	1	6			88	KHI	Vietnamese
14	DO DUC LONG	P4	03	1	4			58	KHI	Vietnamese
15	HOANG TRONG TAN	P4	13-14	2	10			70	KHI	Vietnamese
16	TRINH XUAN HUYEN	P4	10	1	6			79	KHI	Vietnamese
17	DANG THE HUY	P4	01	1	10			94	KHI	Vietnamese
18	LE HUY CHUONG	P4	15	1	10			54	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN ANH	P4	16	1	3			64	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN THANH GIAP	P4	05	1	5			72	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC LAI	P4	06-07	2	11			73	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM HUU THO	P4	17	1	8			64	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	8	590	6	28	2	28	4		
2	P4	14	1.008	17	94	5	90	18		
TOTAL		22	1.598	23	122	7	118	22		
WEIGHT KG			1.598		122		118			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN MAI PHI

CREW

LE QUY HUNG
PHAN NHU CUONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: BK14 - TD1 - P5	CREW: DUONG - NPHU - THU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/3888	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN TUYẾT	BK14	80-81	2	17			75	DVL	Vietnamese
2	ĐOÀN MINH ĐẠT	BK14	86	1	16			78	DVL	Vietnamese
3	ĐOÀN MINH HƯƠNG	BK14	87-88	2	13			60	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN HAI ĐĂNG	BK14	84-85	2	20			82	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HÙNG	BK14	82-83	2	19			64	DVL	Vietnamese
6	ĐINH XUÂN HOA	TD1	03	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VĂN DUY	TD1	01	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN HOÀN	TD1	10	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1						75	KHOAN	Vietnamese
10	HOA XUÂN LUÂN	TD1	11	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN MINH HOÀNG	TD1	13	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
12	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	12	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ BA CHIẾN	TD1	04	1	10			74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD1	02	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN LONG	TD1	15	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ PHU PHÚC	TD1	14	1	7			82	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH BĂNG	TD1	06	1	4			85	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN THÀNH CÔNG	TD1	07-08	2	6			70	PSV	Vietnamese
19	TRẦN KHÁC MẠNH	TD1	09	1	4			68	PSV	Vietnamese
20	PHẠM THẾ THUẬN	TD1	05	1	3	1	15	70	PSV	Vietnamese
21	SADRYEV RAMIL	P5	56-58	3	12			83	KIM THIET	Russian
22	KORCHAGIN ALEKSANDR	P5	59	1	10	1	14	97	KIM THIET	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	5	359	9	85	0	0	2		
2	TD1	15	1.089	15	86	1	15	18		
3	P5	2	180	4	22	1	14	2		
TOTAL		22	1.628	28	193	2	29	22		
WEIGHT KG			1.628		193		29			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:58
B.CARD: VANG-2	TO: RP3 - RC6 - RCDM	CREW: VIỆT - KHẢI - DŨNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3896	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VŨ TRUNG KIẾN	RP3	15-16	2	16			81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BAO TOÀN	RP3	10	1	8	1	12	84	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ TẤN CHÂU	RP3	12	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯƠNG QUANG THƯỜNG	RP3	07	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3				1	8	72	KH-THAC	Vietnamese
6	CAO ĐỨC THANH	RP3	13	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THÈ HUY	RP3	03	1	14			77	CODIEN	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN THANH	RP3	17	1	9	5	56	87	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG PHỤ	RP3	01	1	9			76	CODIEN	Vietnamese
10	VŨ ANH TUẤN	RP3	02	1	7			65	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3						84	KHI	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	08	1	3			70	KHI	Vietnamese
13	HÀ VĂN THUY	RP3	05-06	2	11			67	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	09	1	4			68	KHI	Vietnamese
15	BUI VĂN PHŨ	RP3	11	1	4			70	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN CHÍNH THI	RP3	04	1	3			75	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG NAM	RP3						87	KHI	Vietnamese
18	LÊ HOANG ANH	RP3	14	1	7			65	KHI	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH ĐẠI	RCDM	20	1	17	1	17	64	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN VĂN HẠNH	RCDM	23	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH TUẤN	RCDM	21-22	2	19	1	6	72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	18	1.350	17	112	7	76	12		
2	RC6	0	0	0	0	1	17	0+2	CHUYỂN 2 PAX RC6-RCDM	
3	RCDM	3	215	4	47	2	23	0		
TOTAL		21	1.565	21	159	10	116	12		
WEIGHT KG			1.565		159		116			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

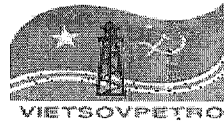
CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
ĐẶNG QUANG KHẢI





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: PPD	CREW: HUNG - N.CUONG - TOAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3892	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	16	1	7			74	KHI	Vietnamese
2	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	13	1	5			55	KHI	Vietnamese
3	BUI HUU LAN	PPD	15	1	5			76	KHI	Vietnamese
4	CAO NAM QUY	PPD	17	1	4			69	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN MINH KHOAN	PPD	09	1	7			85	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VIET ĐAI	PPD	23	1	5			73	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN QUANG	PPD	24	1	4			67	KHI	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC LINH	PPD	18-19	2	22			68	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	11	1	2			56	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN TRUONG SON	PPD	28	1	6			59	KHI	Vietnamese
11	LÊ HUY VINH	PPD	33	1	5			63	KHI	Vietnamese
12	BUI THANH HAI	PPD	10	1	4			73	KHI	Vietnamese
13	TATARINOV S.M.	PPD	37	1	2			81	ANTOAN	Russian
14	HUYNH TAT THANH	PPD	21-22	2	10	2	25	69	KHI	Vietnamese
15	LÝ TAT ĐẠT	PPD	20	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC VIỆT	PPD	12	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HUY	PPD	27	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN NGHI	PPD	25-26	2	16			65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN TIỆP	PPD	29-30	2	18	2	42	79	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ THANH BÌNH	PPD	14	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	34	1	3			64	KHI	Vietnamese
22	NALYVANCHUK I.	PPD						90	KHI	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	22	1.553	25	164	4	67	22		
	TOTAL	22	1.553	25	164	4	67	22		
	WEIGHT KG		1.553		164		67			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG
PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:00
B.CARD: HONG-3	TO:RP3 - RP1 - RC5 - RCDM	CREW: HHAI - TTRUNG	ETA: 12:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3897	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐUƠNG HÔNG QUẬN	RP3	53	1	10	1	14	70	KHI	Vietnamese
2	HOANG VAN HAI	RP3	55-56	2	11			63	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	RP3	72-73	2	9			76	KHI	Vietnamese
4	LÊ HỮU ĐẠT	RP3	58	1	4			72	KHI	Vietnamese
5	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	52	1	8			63	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN Q. BAO BÌNH	RP3						62	KHI	Vietnamese
7	TRÌNH QUANG HUY	RP3						69	KHI	Vietnamese
8	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	59	1	4			78	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	57	1	3			64	KHI	Vietnamese
10	CÁN ANH TUẤN	RP3	68-69	2	10	2	8	63	KHI	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC NHẬT	RP3	76-78	3	15			73	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	RP3	66-67	2	18			68	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN THAI BÌNH	RP3	64-65	2	13			69	KHI	Vietnamese
14	LÊ ANH HOÀNG	RP3	74-75	2	10	2	23	91	KHI	Vietnamese
15	TRẦN VĂN QUANG	RP3	61-62	2	13	1	10	64	KHI	Vietnamese
16	PHẠM VĂN KHIẾT	RP3	60	1	10			91	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	16	1.136	23	138	6	55	0		
2	RP1	0	0	0	0	1	10	3		CHUYEN 2 PAX RP1-RCDM
3	RC5	0	0	0	0	0	0	8		
4	RCDM	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		16	1.136	23	138	7	65	11		
WEIGHT KG			1.136		138		65			

GRAND TOAL: 1.339 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

[Handwritten signature]
MS Thue Ho

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]
Trung



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:30
B.CARD: TRANG-3	TO:RP3 - RP2 - RC3	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 13:20
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/3898	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN CẢNH KHOA	RP3	48-49	2	10			68	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG KHAI	RP3	13-14	2	14			63	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN HUU HOANG VINH	RP3	50	1	10			54	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM DUY CHUNG	RP3	44	1	10			65	KHI	Vietnamese
5	VÕ VĂN THUẬN	RP3	07	1	8			51	KHI	Vietnamese
6	LÊ VĂN NHAN	RP3	09	1	7			54	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HAI	RP3	06	1	8			68	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY NAM	RP3	08	1	10			63	KHI	Vietnamese
9	ĐỖ MINH NHẬT TUẤN	RP3	11-12	2	9			74	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ HOANG THUẬN	RP3	10	1	5			58	KHI	Vietnamese
11	PHAN THANH ĐÔNG	RP3	03	1	9			66	KHI	Vietnamese
12	TRẦN VIỆT CƯỜNG	RP3	04-05	2	22			72	KHI	Vietnamese
13	ĐÔNG PHI HOANG	RP3	45	1	7			73	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NGHIÊM	RP3	46	1	8			64	KHI	Vietnamese
15	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	01-02	2	10			77	KHI	Vietnamese
16	TRẦN ĐÌNH LAM MINH	RP3	47	1	5			61	PSV	Vietnamese
17	PHẠM HAI LONG	RP2	38	1	17	3	50	78	DVL	Vietnamese
18	ĐÀO ANH HUYNH	RP2	90-91	2	18	2	15	67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	16	1.031	21	152	0	0	0		
2	RP2	2	145	3	35	5	65	5 + 2	CHUYEN 2 PAX RP2-RC3	
3	RC3	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		18	1.176	24	187	5	65	6		
WEIGHT KG			1.176		187		65			

GRAND TOAL: 1.428 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN

TRỊNH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: NAU-3	TO: RP3 - CLO - CTK3	CREW: KHOÀN - SON - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/3889	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN CAO MONG	RP3	28	1	7	6	100	58	PSV	Vietnamese
2	ĐỖ NGỌC QUI	RP3	25	1	4			53	PSV	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LƯƠNG	RP3	26	1	4			63	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN PHẠM TUẤN ANH	RP3	29	1	7			64	PSV	Vietnamese
5	SHEREMETIEV A.V.	RP3	30	1	9			78	D-HANH	Russian
6	LÊ TUẤN ANH	RP3	33	1	8			76	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN QUANG	RP3	31	1	8	4	47	70	CODIEN	Vietnamese
8	CAO HOAI THƯƠNG	RP3	32	1	10			61	CODIEN	Vietnamese
9	VŨ NGỌC TUẤN	RP3	27	1	7			80	KHI	Vietnamese
10	HOANG VĂN BÓN	CLO	78	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	75	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN NHƯ DỪNG	CLO	77	1	9	1	15	63	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	76-77	2	10			60	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐOÀN SỬU	CLO	74	1	12			63	KHOAN	Vietnamese
15	VĂN ĐÌNH QUANG	CLO	46-47	2	11			65	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN QUANG HÙNG	CLO	75	1	11			77	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY ĐÔNG	CLO	76	1	3			67	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	CLO	73	1	3			55	PSV	Vietnamese
19	LÊ ĐĂNG KHOA	CLO	79	1	5			72	PSV	Vietnamese
20	HA QUOC VINH	CTK3	40	1	4			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	9	603	9	64	10	147	0		
2	CLO	10	661	12	76	1	15	20+	1	CHUYEN 1 CLO-CTK3
3	CTK3	1	69	1	4	0	0	2		
TOTAL		20	1.333	22	144	11	162	22		
WEIGHT KG			1.333		144		162			

GRAND TOAL: 1.639 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: TIM-3	TO: P4 - PPD - CLO	CREW: HÙNG - HTRUNG - MQUÂN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/3893	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG THAI DUONG	P4						75	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN VAN THINH	P4	25	1	4	2	40	74	KHI	Vietnamese
3	TA VAN QUYNH	P4						71	KHI	Vietnamese
4	BUI ĐANG TIEN	P4	26	1	8			67	KHI	Vietnamese
5	PHAM TIEN HAI	P4	23	1	10	1	13	74	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN DUY TIEN	P4	27-28	2	14			69	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN MINH TAM	P4	29-30	2	17			64	XAYLAP	Vietnamese
8	HA XUAN THANH	P4	31-32	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGO TRUNG KIEN	P4	36	1	8			72	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG TRUNG	P4	33-34	2	17	3	51	67	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN CONG MINH	P4	35	1	15			85	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN NGUYEN PHUONG	PPD	43	1	5			67	KHI	Vietnamese
13	ĐAO VIỆT HUNG	PPD	42	1	10			64	KHI	Vietnamese
14	VU VAN CHIEN	PPD	47	1	4			72	KHI	Vietnamese
15	LUU QUY TRUNG	PPD	46	1	4			70	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN DINH AN	PPD	39	1	4			59	PSV	Vietnamese
17	TRAN MAU SON	PPD	44	1	4			75	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC LINH	PPD	38	1	3			70	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN DOANH	PPD	41	1	4			67	PSV	Vietnamese
20	TRAN MINH THUAN	PPD	45	1	5			73	PSV	Vietnamese
21	HOANG XUAN ĐONG	PPD	40	1	6			62	PSV	Vietnamese
22	TA QUANG PHUC	PPD	48	1	10			105	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	11	788	13	113	6	104	2		
2	PPD	11	784	11	59	0	0	13		
3	CLO	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	1.572	24	172	6	104	22		
WEIGHT KG			1.572		172		104			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: HONG-4	TO:GTC1 - P9 - P10	CREW: XHOÀN - SON - VŨ	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/3890	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN HOÀNG AN	GTC1	86	1	11	2	35	72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÂM	GTC1	87	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ CHÍ CÔNG	GTC1	83	1	9			53	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THÁI SƠN	GTC1	84-85	2	12			79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ PHẠM THANH HUY	P9	11-12	2	17			84	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TẤT THÀNH	P9	21	1	9			73	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN BÌNH TRỌNG	P9	14-15	2	20	2	13	77	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐÀO VĂN KHOA	P9	16-17	2	13	5	60	59	PSV	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG PHƯỚC	P9	22	1	7	1	15	66	PSV	Vietnamese
10	ĐỖ QUANG MINH	P9	13	1	5			64	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN LINH	P9	20	1	3			62	PSV	Vietnamese
12	HỒ TRỌNG TÂN	P9	18	1	5			91	PSV	Vietnamese
13	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10	82	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THANH HOÀNG	P10	83	1	17	1	15	67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THUẬN	P10	81	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ BẢO THÀNH	P10	85-86	2	16			85	NIPI	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU ĐỨC	P10	77	1	8	1	16	75	T-TIN	Vietnamese
18	HỒ NGỌC THÀNH	P10	80	1	9			56	PSV	Vietnamese
19	TRẦN TUẤN ANH	P10	76	1	7			74	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN ANH	P10	79	1	8			81	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	4	282	5	47	2	35	0		
2	P9	8	576	11	79	8	88	9		
3	P10	8	584	9	80	2	31	13		
TOTAL		20	1.442	25	206	12	154	22		
WEIGHT KG			1.442		206		154			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

VŨ THỊ ANH

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHẠM THÁI SƠN